

Write these words into English.

1. quần đùi

2. đang nhìn vào

3. con ngựa

4. cây

5. con gà

6. tóc dài

7. bánh mì

8. mũ lưỡi trai

9. con khi đồ chơi

10. con diều

11. đàn ghi ta

12. trò chơi điện tử

13. quả lê

14. quả táo

15. phòng khách

16. váy

17. đầm

18. ông nội

19. xúc xích

20. đồng hồ đeo tay

21. máy phát tin tức

22. con thuyền

23. bãi biển

24. nước

25. lớp học